

CỤC THUẾ
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96 /CCTKV.II-TTHT
V/v hướng dẫn quyết toán thuế
thu nhập doanh nghiệp năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Quý Doanh nghiệp, Tổ chức trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại các Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội); Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (đã được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015, Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ);

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội); Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ); Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025).

Để Doanh nghiệp, Tổ chức trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật, Chi cục Thuế khu vực II lưu ý một số nội dung sau:

1. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế và nộp thuế.

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán năm đối với thuế thu nhập doanh nghiệp chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Theo đó đối với năm tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 thì thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày 31/3/2025.

Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế quý nhưng phải xác định số thuế tạm nộp hàng quý để nộp vào ngân sách nhà nước. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp

thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước. Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

2. Hồ sơ quyết toán thuế.

a. Hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN của người nộp thuế áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí, gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu 03/TNDN) và một hoặc một số Phụ lục kèm theo tờ khai (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC và các Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết theo các phụ lục đính kèm Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định).

b. Hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN của người nộp thuế áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu, gồm:

- Tờ khai thuế TNDN (mẫu 04/TNDN) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

- Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định).

c. Đối với các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 20/2025/NĐ-CP) thì nộp thêm:

- Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2025/NĐ-CP; Phụ lục số 02, 03, 04 ban hành kèm theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

- Xác định chi phí lãi vay theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP):

Trường hợp, tại kỳ tính thuế TNDN năm 2020, năm 2021, năm 2022 và năm 2023 nếu doanh nghiệp đi vay chỉ có quan hệ liên kết với tổ chức kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và doanh nghiệp đi vay với bên cho vay hoặc bảo lãnh thuộc trường hợp quy định tại điểm d.1 và điểm d.2 khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP) có giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và có chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì kể từ kỳ tính thuế năm 2024 thực hiện như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp không có quan hệ liên kết và không phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và Nghị định số

20/2025/NĐ-CP thì phần chi phí lãi vay không được trừ và chưa được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo tính đến cuối kỳ tính thuế năm 2023 được phân bổ đều chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo cho thời gian còn lại theo quy định về thời gian được chuyển chi phí lãi vay tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.


+ Trường hợp doanh nghiệp có quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP thì chi phí lãi vay không được trừ và chưa được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

3. Lưu ý:

- Hướng dẫn kê khai tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN

Đối với các chỉ tiêu [E1], [E3], [E4], [E5] (là căn cứ để xác định số thuế TNDN phải nộp trong kỳ ghi nhận tại chỉ tiêu [E]): Ứng dụng không hỗ trợ tự động điền dữ liệu do đó người nộp thuế phải nhập thủ công (nếu có phát sinh). Trường hợp người nộp thuế không điền thủ công tại các chỉ tiêu này, hệ thống sẽ ghi nhận không phát sinh số thuế TNDN phải nộp của kỳ quyết toán dẫn đến người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế (hành vi kê khai sai) và sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

- Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 71/2014/QH13) và Điều 8 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP. Đối với các khoản doanh thu khám chữa bệnh theo khung giá của Bộ Y tế tại các cơ sở y tế công lập, Chi cục Thuế khu vực II (Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh trước sắp xếp) đã có công văn số 881/CTTPHCM-TTHT ngày 23/01/2025 và công văn số 6960/CTTPHCM-TTHT ngày 16/07/2024 (bản chụp đính kèm) hướng dẫn kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN. Đề nghị các cơ sở y tế công lập trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị nghiên cứu, thực hiện theo quy định.

Chi cục Thuế khu vực II thông báo đến Quý Doanh nghiệp, Tổ chức biết đề thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTHT(ttthien.4b).

150742

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dũng